

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN - NHI

Số: 285/BVSN-KD
V/v chào giá thuốc cho
Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 (đợt 1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Các công ty sản xuất/ nhập khẩu/ kinh doanh dược phẩm.

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để mua sắm thuốc phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho Nhà thuốc Bệnh viện Sản- Nhi tỉnh Quảng Ninh năm 2026 (đợt 1).

Bệnh viện kính mời các công ty sản xuất/ nhập khẩu/ kinh doanh dược phẩm quan tâm, phối hợp thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS.Phạm Anh Tuấn, Trưởng khoa Dược, SĐT: 0915.694.888.

3. Mẫu báo giá: Công ty báo giá các mặt hàng thuốc hiện đang kinh doanh đáp ứng các tiêu chí tại Phụ lục I (phụ lục 1.1, 1.2, 1.3), theo mẫu báo giá tại Phụ lục II và gửi kèm các tài liệu theo mẫu Phụ lục III (Phụ lục I, II, III đính kèm).

4. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản cứng: Nhận tại Khoa Dược - Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: tầng 4 nhà B, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh).

- Đồng thời gửi file excel và file scan dạng pdf vào địa chỉ email:

duocsannhi@gmail.com.

5. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 13/02/2026.

6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký báo giá.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Nt;

- Lưu: VT, KD.

Bùi Minh Cường

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Công văn số 285/BVSN-KD ngày 03/02/2026 của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh)

Phụ lục 1.1

DANH MỤC BIỆT DƯỢC GỐC SỬ DỤNG TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2026 (ĐỢT 1)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GDKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Tên CDT (tham khảo QĐ trung thầu)	Ngày ban hành quyết định lựa chọn nhà thầu	Số lượng
1	Rupafin	Rupatadine (dưới dạng Rupatadine Fumarate)	10mg	840110076423	Uống	Viên nén	Noucor Health, S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Bạch Mai	08/09/2025	5.000
2	Rupafin	Rupatadine (dưới dạng Rupatadine fumarate)	1mg/ ml	840110447523 (VN2-504-16)	Uống	Dung dịch uống	Italfarmaco, S.A.	Tây Ban Nha	Hộp/ 1 chai 120ml	Chai	BDG	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai	10/01/2026	1.500
3	Augmentin ES	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	300110965424	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Glaxo Wellcome Production	Pháp	Hộp 1 chai chứa bột pha 100mL hỗn dịch uống	Chai	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	1.000

4	Augmentin ES	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	300110965424	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Glaxo Wellcome Production	Pháp	Hộp 1 chai chứa bột pha 50mL hỗn dịch uống	Chai	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	2.000
5	Lovenox	Enoxaparin Natri	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/ 0,4ml	300410038223	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	Bơm tiêm	BDG	Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương	19/01/2026	3.000
6	Tractocile	Atosiban (dưới dạng Atosiban acetate)	7,5mg/ml	VN-22144-19 (Có QĐ gia hạn số 698/QĐ-QLD ngày 15/10/2024)	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc pha truyền tĩnh mạch	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: Ferring GmbH; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Ferring International Center S.A.	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: Đức; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Thụy Sĩ	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	BDG	Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương	19/01/2026	50

7	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	VN-20845-17 (Có QĐ gia hạn số 853/QĐ-QLD ngày 30/12/2022)	Uống	Viên nén bao phim	Haupt Pharma Latina S.r.l	Italy	Hộp 1 vi x 3 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Phụ Sân Trung Ưong	19/01/2026	600
8	Aerius	Desloratadine	0,5mg/ml	VN-22025-19 (Có QĐ gia hạn số 698/QĐ-QLD ngày 15/10/2024)	Uống	Siro	Organon Heist bv	Bỉ	Hộp 1 chai 60ml kèm thìa đong bằng nhựa 5ml	Chai	BDG	Bệnh viện Bạch Mai	08/09/2025	4.000
9	Minirin	Desmopressin (dưới dạng Desmopressin acetat)	0,089mg (0,1mg)	VN-18893-15 (Có QĐ gia hạn số 573/QĐ-QLD ngày 23/09/2022)	Uống	Viên nén	Ferring International Center S.A.	Thụy Sĩ	Hộp 1 chai 30 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	600
10	Voltaren	Diclofenac natri	100mg	300110023825	Đặt trực tràng	Viên đạn	Delpharm Huningue S.A.S	Pháp	Hộp 1 vi x 5 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	500
11	Fucidin	Acid Fusidic	2% (w/w)	VN-14209-11 (Có QĐ gia hạn số 64/QĐ- QLD ngày 23/01/2025)	Dùng ngoài	Kem	Leo Laboratories Limited	Ireland	Hộp 1 túyp 15g	Túyp	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	800
12	Cravit	Levofloxacin hydrat	25mg/5ml	VN-19340-15 (Có QĐ gia hạn số 232/QĐ-QLD ngày 29/04/2022)	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	200

13	Sanlein 0,1	Natri hyaluronat tinh khiết	5mg/5ml	VN-17157-13 (Có QĐ gia hạn số 573/QĐ-QLD ngày 23/09/2022)	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	1.500
14	Singulair 5mg (đóng gói tại Merck Sharp & Dohme B.V. Địa chỉ: Waarderweg 39, 2031 BN Haarlem - The Netherlands)	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	5mg	VN-20319-17 (Có QĐ gia hạn số 265/QĐ-QLD ngày 11/05/2022)	Uống	Viên nén nhai	Organon Pharma (UK) Limited (Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V.)	Anh (Cơ sở đóng gói: Hà Lan)	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	4.500
15	Singulair 4mg (đóng gói tại Merck Sharp & Dohme B.V. Địa chỉ: Waarderweg 39, 2031 BN Haarlem - The Netherlands)	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	4mg	VN-20318-17 (Có QĐ gia hạn số 265/QĐ-QLD ngày 11/05/2022)	Uống	Viên nén nhai	Organon Pharma (UK) Limited	Anh	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Đa khoa Vũng Tàu	16/01/2026	16.000
16	Oflovid	Ofloxacin	15mg/5ml	VN-19341-15 (Có QĐ gia hạn số 265/QĐ-QLD ngày 11/05/2022)	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	3.000
17	Alegysal	Pemirolast Kali	5mg/5ml	499110080723	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Santen Pharmaceutical Co. Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	BDG	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	12/05/2025	250

18	Risperdal	Risperidone	1mg	VN-19987-16	Uống	Viên nén bao phim	Janssen Cilag S.p.A.	Ý	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	10/01/2026	3.500
19	Risperdal	Risperidone	2mg	VN-18914-15	Uống	Viên nén bao phim	Janssen Cilag S.p.A.	Ý	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	10/01/2026	500
20	Topamax	Topiramat	25mg	VN-20301-17	Uống	Viên nén bao phim	Cilag AG	Thụy Sĩ	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	10/01/2026	5.000
21	Debridat	Trimebutine maleate	100mg	VN-22221-19 (Có QĐ gia hạn số 407/QĐ-QLD ngày 19/06/2024)	Uống	Viên nén bao phim	Farmea	France	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	12/01/2026	6.000
22	Amlor	Amlodipine (dưới dạng amlodipine besilate)	5mg	300110025623	Uống	Viên nang cứng	Fareva Amboise	Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương	19/01/2026	1.000
23	Augmentin 1g	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	VN-20517-17	Uống	Viên nén bao phim	SmithKline Beecham Pharmaceuticals	Anh	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương	19/01/2026	35.000

24	Augmentin 625mg tablets	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 125mg	VN-20169-16	Uống	Viên nén bao phim	SmithKline Beecham Limited	Anh	Hộp 2 vi x 7 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	17.000
25	Augmentin 250mg/31,25mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	250mg + 31,25mg	VN-17444-13	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Glaxo Wellcome Production	Pháp	Hộp 12 gói	Gói	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	32.000
26	Pulmicort Respules	Budesonide	500mcg/2ml	VN-22715-21	Hít/Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng dùng để hít	Astrazeneca Pty., Ltd	Úc	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Ống	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	25.000
27	Avastin	Bevacizumab	100mg/4ml	400410250123	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Hộp 1 lọ x 4ml	Lọ	BDG	Bệnh viện Phụ Sân Trung Ương	19/01/2026	15
28	Zinnat tablets 250mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250mg	VN-19963-16	Uống	Viên nén bao phim	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	06/01/2026	4.000
29	Zinnat tablets 500mg	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	VN-20514-17	Uống	Viên nén bao phim	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Phụ Sân Trung Ương	19/01/2026	30.000

30	Zinnat Suspension	Cefuroxime axetil	125mg/5ml Cefuroxime	VN-9663-10	Uống	Cốm pha huyền dịch uống	Glaxo Operations UK Ltd	Anh	Hộp 1 chai	Chai	BDG	Bệnh viện Đa khoa Vũng Tàu	16/01/2026	500
31	Ciprobay 500	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochloride)	500mg	800115179523	Uống	Viên nén bao phim	Bayer HealthCare Manufacturing S.r.l.	Ý	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	5.000
32	Nexium Mups	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	20mg	VN-19783-16	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 2 vi x 7 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai	10/01/2026	12.000
33	Nexium Mups	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	VN-19782-16	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 2 vi x 7 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	5.500
34	Diflucan	Fluconazole	150mg	300110024225 (VN-22185-19)	Uống	Viên nang cứng	Fareva Amboise	Pháp	Hộp 1 vi x 1 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	2.000

35	Avamys	Fluticason furoat	27,5 mcg/ liều xịt	VN-21418-18	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Glaxo Operations (UK) Ltd. (trading as Glaxo Wellcome Operations)	Anh	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Bình	BDG	Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	19/01/2026	500
36	Flixotide Evohaler	Fluticasone propionate	125mcg/ liều xịt	VN-16267-13	Xịt qua đường miệng	Thuốc xịt dạng phun mù định liều (dùng để hít qua đường miệng)	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình xịt 120 liều	Bình xịt	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	700
37	Ilomedin 20	Iloprost (dưới dạng Iloprost trometamol)	20mcg/ml	VN-19390-15	Tiêm truyền tĩnh mạch sau khi pha loãng	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Berlimed S.A	Tây Ban Nha	Hộp 5 ống x 1ml	Ống	BDG	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	12/01/2026	30
38	Keppra	Levetiracetam	500mg	VN-18676-15	Uống	Viên nén bao phim	UCB Pharma SA	Bỉ	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	16/01/2026	15.000

39	Femara	Letrozole	2,5mg	760114186923	Uống	Viên nén bao phim	Cơ sở sản xuất: Novartis Pharma Stein AG; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Novartis Farma S.p.A.	Cơ sở sản xuất: Thụy Sỹ; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Ý	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai	10/01/2026	6.000
40	Hidrasec 30mg Children	Racecadotril	30mg/gói	300110000624	Uống	Thuốc bột uống	Sophartex	Pháp	Hộp 30 gói	Gói	BDG	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	10/01/2026	12.000
41	Ventolin Inhaler	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	VN-18791-15	Xịt theo đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình xịt 200 liều	Bình xịt	BDG	Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương	19/01/2026	500
42	Visanne 2mg Tablets	Dienogest	2mg	400110020723	Uống	Viên nén	Bayer Weimar GmbH und Co. KG	Đức	Hộp 2 vỉ x 14 viên nén	Viên	BDG	Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương	13/01/2026	15.000
43	Yasmin	Drospirenon, Ethinylestradiol	3mg; 0,03mg	400110401023	Uống	Viên nén bao phim	CSSX: Bayer Weimar GmbH & Co. KG; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Bayer AG	Đức	Hộp 1 vỉ x 21 viên	Viên	BDG	Bệnh viện Phụ Sản Trung Ương	13/01/2026	10.000

[illegible]

Phụ lục 1.2

DANH MỤC THUỐC GENERIC SỬ DỤNG TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2026 (ĐỢT 1) - THEO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU MUA SẮM THUỐC TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NINH 2025-2027

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
1	Topamax	Topiramate	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1	VN-20529-17	Cilag AG	Thụy Sĩ	Viên	6.000
2	Paracetamol 500 mg	Paracetamol	500 mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2	893100357823	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	10.000
3	Carbamaz	Oxcarbazepin	300 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	4	893114533924	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	5.000
4	Magnesi - B6	Magnesium lactat dihydrat; Pyridoxin HCl	470mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	2	893110307724	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	15.000
5	Efferalgan	Paracetamol	80mg	Đặt hậu môn	Viên đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	1	VN-20952-18	UPSA SAS	Pháp	Viên	1.500
6	Efferalgan	Paracetamol	150mg	Đặt hậu môn	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	1	300100523924	UPSA SAS	Pháp	Viên	3.000
7	Efferalgan	Paracetamol	300mg	Đặt hậu môn	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	1	300100011424	UPSA SAS	Pháp	Viên	600
8	Efferalgan	Paracetamol	80mg	Uống	Bột sủi bột để pha dung dịch uống	Hộp 12 gói	1	VN-19070-15	UPSA SAS	Pháp	Gói	3.600

9	Effergal	Paracetamol	150mg	Uống	Bột sủi bột để pha dung dịch uống	Hộp 12 gói	1	VN-21849-19	Upsa Sas	Pháp	Gói	3.600
10	Effergal	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nén sủi bột	Hộp 4 vỉ x 4 viên	1	300100011324	UPSA SAS	Pháp	Viên	7.000
11	Telfast HD	Fexofenadine hydrochloride	180 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	893100314023	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Viên	3.000
12	Maxitrol	Dexamethason + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	(1mg + 3500IU + 6000IU)/gram	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Hộp 1 tuýp 3,5g	1	540110522824	Novartis Manufacturing NV	Bi	Tuýp	1.000
13	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/gram	Tra mắt	Mỡ tra mắt	Hộp 1 tuýp 3,5g	1	540110132524	Novartis Manufacturing NV	Bi	Tuýp	1.000
14	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/1ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	1	VN-20587-17	Novartis Manufacturing NV	Bi	Lọ	200
15	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200mg/5ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp, 1 lọ 600mg/ 15ml	1	VN-21930-19	Haupt Pharma Latina S.r.l	Italy	Lọ	2.500
16	Oflovid ophthalmic ointment	Ofloxacin	0,3%	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Hộp 1 tuýp x 3,5g	1	499115415523	Santen Pharmaceutical Co., Ltd., Nhà máy Shiga	Nhật	Tuýp	100
17	Biseptol	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	(200mg + 40mg)/5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 80ml	1	VN-20800-17	Cơ sở sản xuất, đóng gói, kiểm soát lô: Pharmaceutical Works POLPHARMA S.A., Medana Branch in Sieradz; Cơ sở xuất xưởng lô: Pharmaceutical	Nước sản xuất, đóng gói, kiểm soát lô: Ba Lan; Nước xuất xưởng lô: Ba Lan	Chai	1.000

									Works POLPHARMA S.A., Medana Branch in Sieradz			
18	Diphereline P.R 3,75mg	Triptorelin (dưới dạng Triptorelin acetate)	3,75mg	Tiêm	Bột và dung môi pha hỗn dịch tiêm (IM), dạng phóng thích kéo dài 28 ngày	Hộp 1 lọ bột + 1 ống dung môi 2ml + 1 bơm tiêm + 2 kim tiêm	1	300114408823	Ipsen Pharma Biotech	Pháp	Lọ	80
19	Diphereline P.R. 11.25mg	Triptorelin (dưới dạng Triptorelin pamoate)	11,25mg	Tiêm	Bột và dung môi pha thành dịch treo để tiêm bắp hay tiêm dưới da, dạng phóng thích kéo dài 3 tháng	Hộp 1 lọ thuốc bột + 1 ống dung môi pha tiêm 2 ml + 1 bơm tiêm + 3 kim tiêm	1	VN-21034-18	Ipsen Pharma Biotech	Pháp	Lọ	10
20	Ferlatum	Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat)	40mg (800mg)	Uống	Dung dịch uống	Hộp 10 lọ x 15ml	1	VN-22219-19	Italfarmaco S.A.	Tây Ban Nha	Lọ	1.500

21	Tardyferon B9	Acid folic (dạng khan) + Sắt (dưới dạng sắt (II) sulfat được làm khô)	0,35mg + 50mg (154,53mg)	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Hộp 3 vi x 10 viên	1	VN-16023-12	Pierre Fabre Medicament production	Pháp	Viên	3.000
22	Gemapaxane	Enoxaparin natri	4000IU/0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	1	800410092123	Italfarmaco S.p.A	Ý	Bơm tiêm	10.000
23	Gemapaxane	Enoxaparin natri	6000IU/0,6ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	1	800410092023	Italfarmaco S.p.A	Ý	Bơm tiêm	3.000
24	Betadine Antiseptic Solution 10%w/v	Povidon iod	10% kl/tt	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 chai 125ml	1	529100790424	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	Chai	3.500
25	Bioflora 100mg	Saccharomyces boulardii CNCM I-745	100mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp chứa 20 gói	1	VN-16392-13	Biocodex	Pháp	Gói	20.000
26	NORMAGUT	Men Saccharomyces boulardii đông khô	2,5x10 ⁹ tế bào/250mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	1	QLSP-823-14	Ardeypharm GmbH	Germany	Viên	180.000
27	OCTRIDE 100	Octreotid (dưới dạng octreotid acetat)	0,1mg/ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Hộp 1 ống 1ml	2	VN-22579-20	Sun Pharmaceutical Medicare Limited	India	Ống	100
28	Debridat	Trimebutine maleate	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 15 viên	1	VN-22221-19	Farmea	France	Viên	4.500
29	Medrol	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	1	800110406323	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	1.000

30	Medrol	Methylprednisolone	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	VN-22447-19	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	4.500
31	Sanlein Mini 0.1	Natri hyaluronat tinh khiết	0,4mg/0,4ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Túi x 3 vỉ x 10 Lọ x 0,4ml	1	499100415323	Santen Pharmaceutical Co., Ltd., Nhà máy Noto	Nhật	Lọ	1.200
32	Sanlein 0.3	Natri hyaluronat tinh khiết	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 5ml	1	VN-19343-15	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.-Nhà máy Noto	Nhật	Lọ	500
33	Pataday	Olopatadine hydrochloride	0,2%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 chai 2,5ml	1	VN-13472-11	Alcon Research, LLC.	Mỹ	Chai	200
34	Otrivin	Xylometazoline Hydrochloride	10mg/10ml	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi có phân liều	Hộp 1 lọ 10ml	1	VN-22704-21	Haleon CH SARL	Thụy Sĩ	Lọ	1.500
35	Otrivin	Xylometazoline Hydrochloride	5mg/10ml	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	Hộp 1 lọ 10ml	1	VN-22705-21	Haleon CH SARL	Thụy Sĩ	Lọ	3.000
36	Otrivin	Xylometazoline Hydrochloride	10mg/10ml	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	Hộp 1 lọ 10ml	1	VN-22914-21	Haleon CH SARL	Thụy Sĩ	Lọ	3.000
37	Adivec	Desloratadin	0,5mg/ml; 60ml	uống	Siro	Hộp 1 lọ x 60ml	2	482100206223	JSC "Farmak"	Ukraine	chai	6.000
38	Polygynax	Nystatin + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	100.000 IU+ 35.000IU+ 35.000IU+	Đặt âm đạo	Viên nang mềm đặt âm đạo	Hộp 2 vỉ x 6 viên	1	300110010524 (VN-21788-19)	CSSX BTP: Catalent France Beinheim S.A CSSXĐG, KSCL và XX: Innothera Chouzy	Pháp	Viên	30.000
39	Ideos	Calcium (tương đương Calcium carbonate 1250mg); Cholecalciferol (Vitamin D3)	1250mg + 400IU	Uống	Viên nhai	Hộp 4 tube x 15 viên nhai	1	VN-19910-16	Innothera Chouzy	Pháp	Viên	120.000

40	AZIPHAR	Azithromycin	200mg/5g, 15g	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 chai x 15g (tương đương chai 15ml)	3	893110299700	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt nam	chai	1.000
41	Calcium STELLA 500 mg	Calci carbonat + Calci gluconolactat	300mg + 2940mg	Uống	Viên nén sủi bột	Hộp 1 tuýp x 20 viên	2	893100095424	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	20.000
42	Rivomoxi 400mg	Moxifloxacin	400mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 5 viên	1	VN-22564-20	Rivopharm SA	Switzerland	Viên	2.000
43	Fungocap 200mg capsules, hard	Fluconazol	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 01 vỉ x 01 viên; Hộp 01 vỉ x 07 viên; Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 02 vỉ x 10 viên	1	380110010124 (VN-21828-19)	Balkanpharma - Razgrad AD	Bulgaria	Viên	9.000
44	Neo-Tergynan	Metronidazol + Neomycin sulfate + Nystatin	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Hộp 1 vỉ x 10 viên	1	300115082323 (VN-18967-15)	Sophartex	Pháp	Viên	30.000
45	Lomexin	Fenticonazol nitrate	200mg	Đặt âm đạo	Viên nang mềm đặt âm đạo	Hộp 1 vỉ x 6 viên	1	800110081823 (VN-20873-17)	Catalent Italy S.p.A	Ý	Viên	6.000

46	Zolomax fort	Clotrimazol	500mg	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Hộp 1 vỉ x 1 viên (vỉ xé nhôm); Hộp 1 vỉ x 1 viên, Hộp 1 vỉ x 5 viên (vỉ bấm nhôm-nhôm)	4	893100589224 (VD-26726-17)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	3.000
47	Povidone	Povidon iod	10% (kl/tt); 100ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Chai 100ml	4	893100041923 (VD-17882-12)	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Chai	2.000
48	pms-Topiramate 25mg	Topiramate	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 100 viên	1	VN-20596-17 (754110414423)	Pharmascience Inc	Canada	Viên	6.000
49	Mebinir 125mg/5ml	Cefdinir	125mg/5ml; 60ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 01 chai x 60ml	4	893110231624	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	Chai	600
50	Kidhepet-New	Aciclovir	200mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 1,5g	4	893110211324 (VD-29936-18)	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Gói	5.000
51	Diflazon 150mg	Fluconazole	150mg	uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 1 viên	1	VN-22563-20	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Viên	900
52	Hemalofic	Acid folic; Phức hợp hydroxyd sắt (III) và polymaltose tính theo ion sắt (III)	1mg; 100mg	Uống	Dung dịch uống	Hộp 10 ống x 10ml, ống thủy tinh; Hộp 10 ống x 10ml, Hộp 20 ống x	4	893100221025 (VD-25593-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9	Việt Nam	Ống	40.000

						10ml, ống nhựa PVC/PE						
53	Medisamin 250mg	Tranexamic acid	250mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	4	893110491124 (VD-26346-17)	Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Viên	5.000
54	Kẽm oxyd 10%	Kẽm oxyd	0,5g/5g; 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 túyp 15g	4	893100168825 (VD-19083-13)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Đương	Việt Nam	Túyp	1.000
55	Cồn 70°	Ethanol	70% (v/v); 500ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	4	893100147025 (VD-32098-19)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Đương	Việt Nam	Chai	2.000
56	Povidon -Iod HD	Povidon Iod	10%/125ml; 125ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 lọ 125ml	4	893100299100 (VD-18443-13)	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Đương	Việt Nam	Lọ	3.000
57	Proges 200	Progesterone	200mg	Uống hoặc đặt âm đạo	Viên nang mềm	Hộp 1 vi x 10 viên	2	VN-22903-21	Steril-Gene Life sciences (P) Limited	India	Viên	60.000
58	Atisalbu	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat)	0,4 mg/ml (0,04% kl/tt), 30ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 1 chai 30ml	4	893115277823 VD-25647-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai	200
59	Drenoxol	Ambroxol hydrochloride	30mg/10ml, 10ml	uống	Siro uống	Hộp 20 ống x 10ml	1	560100344325 (VN-21986-19)	Faes Farma Portugal, S.A.	Bồ Đào Nha	Ống	20.000
60	Kali Clorid	Kali clorid	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	4	893110627524 (VD-33359-19)	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	Viên	2.000
61	A.T Ganciclovir 500mg	Ganciclovir	500mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 1 lọ thuốc tiêm đông khô + 1 ống nước cất pha tiêm 10ml	4	893114266024	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Lọ	50

62	Aspirin - 100	Acid acetylsalicylic	100mg	Uống	Viên bao tan trong ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	VD-20058-13	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Viên	21.000
63	Progesterone 200mg	Progesteron	200mg	Uống, Đặt âm đạo	Viên nang mềm	Hộp 1 vỉ x 15 viên	1	840110168400	Laboratorios Leon Farma S.A	Spain	Viên	45.000
64	Valygyno	Nystatin + Neomycin sulfate+ Polymyxin B sulfate	100.000IU + 35.000IU + 35.000IU	Đặt âm đạo	Viên nang mềm	Hộp 1 vỉ x 10 viên	4	893110181924 (VD-25203-16)	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	6.000
65	Siro Snapcef	Kẽm gluconat	56mg/5ml, 100ml	Uống	Siro	Hộp 1 chai x 100ml	4	893100919424 (VD-21199-14)	Công ty cổ phần dược Vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Chai	600
66	Zinkast	Montelukast (dưới dạng Montelukast Natri)	5mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 28 gói x 1g	4	893110116924 (VD3-59-20)	Công ty CP Dược - VTYT Hà Nam	Việt Nam	Gói	3.000
67	Habroxol	Ambroxol hydroclorid	15mg/5ml, 100ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 1 chai x 100ml	4	893100555224 (VD-32991-19)	Công ty CP Dược - VTYT Hà Nam	Việt Nam	Chai	5.000
68	Oremute 5	Natri clorid + Kali clorid + Natri citrat dihydrat + Glucose khan + Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	520mg + 300mg + 580mg + 2700mg + 5mg	Uống	Thuốc bột pha dung dịch uống	Hộp 50 gói, x 4,148g	4	893110639524 (QLĐB-459-14)	Công ty TNHH Liên Doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Gói	28.000
69	Augmentin 500mg/62,5mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 62,5mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói	1	VN-16487-13	Glaxo Wellcome Production	Pháp	Gói	80.000

70	Klacid	Clarithromycin	125mg/5ml, 60ml	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 1 lọ 60ml	5	899110399323	PT. Abbott Indonesia	Indonesia	Lọ	2.000
71	Tamiflu	Oseltamivir (dưới dạng oseltamivir phosphat)	75mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	1	VN-22143-19	CSSX: Delpharm Milano S.r.l; đóng gói và xuất xưởng: F. Hoffmann-La Roche Ltd.	CSSX: Ý; Đóng gói và xuất xưởng: Thụy Sĩ	Viên	10.000
72	Nexium	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesi trihydrate)	10mg	Uống	Cốm kháng dịch dạ dày để pha hỗn dịch uống	Hộp 28 gói	1	VN-17834-14	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Gói	11.200
73	Hidrasec 10mg Infants	Racecadotril	10mg/gói	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 16 gói	1	300110000524	Sophartex	Pháp	Gói	28.000
74	Duphaston	Dydrogesterone	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 20 viên	1	870110067423	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Viên	120.000
75	Pulmicort Respules	Budesonid	1mg/2ml	Hít/Đường hô hấp	Hỗn dịch khí dung dùng dùng để hít	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	1	730110131924	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Ống	25.000
76	Cebest	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime proxetil)	50mg/1,5g	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 1,5g	3	893110151925 (VD-28340-17)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Gói	3.000

77	Mepoly	Mỗi 10ml chứa: Dexamethason (dưới dạng dexamethason natri phosphat); Neomycin (dưới dạng neomycin sulfat); Polymyxin B sulfat	(10mg; 35mg; 100.000IU)/10ml	Nhỏ mắt, mũi, tai	Dung dịch nhỏ mắt, mũi, tai	Hộp 1 lọ x 10ml	4	893110420024 (VD-21973-14)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	4.000
78	Meseca Advanced	Fluticasone furoate	27,5µg (mcg)/Liều - Lọ 60 liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ x 60 liều	4	893110289324	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	200
79	Metoxa	Mỗi 10ml chứa: Rifamycin (dưới dạng Rifamycin natri)	200.000IU/10ml	Nhỏ tai	Dung dịch nhỏ tai	Hộp 1 lọ x 10ml	4	893110380323 (VD-29380-18)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	200
80	Postcare Gel	Progesteron	800mg/ 80g	Bôi ngoài da	Gel bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 80g	4	893110901724 (Số ĐK cũ: VD-27215-17)	Công ty CP dược TW Mediplantex	Việt Nam	Tuýp	100
81	Maxxwomen Plus	Alendronat + cholecalciferol (Vitamin D3)	70mg + 2800IU	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 6 vỉ x 4 viên	4	VD-35421-21	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Viên	2.000
82	Usamagsium Fort	Vitamin B6 + magnesi lactat dihydrat	10mg + 470mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	4	893100066700 (VD-20663-14)	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Viên	20.000
83	Imenir 125mg	Cefdinir	125mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 2g	2	893110135925 (VD-27893-17)	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	Việt Nam	Gói	18.000
84	Praverix 500mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat)	500mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 100 vỉ x 10 viên	1	594110403723 (VN-16686-13)	S.C Antibiotice S.A.	Romania	Viên	20.000
85	Sulfadiazin bạc	Sulfadiazin bạc	1%, 20g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp x 20g	4	893100130725 (VD-28280-17)	Công ty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	500

86	Acyclovir Stella 800mg	Acyclovir	800mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 5 viên	3	893110059500 (VD-23346-15)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	5.000
87	Fluconazole Stella 150mg	Fluconazol	150mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vi x 1 viên	3	893110462324 (VD-32401-19)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.000
88	Itranstad	Itraconazole (dưới dạng Itraconazole pellets 22%)	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vi x 6 viên; Hộp 10 vi x 6 viên	2	893110697524 (VD-22671-15)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	15.000
89	Binystar	Nystatin	25.000IU	Tưa lưỡi	thuốc cốm rơ miệng	Hộp 10 gói x 1g	4	893100564324 (VD-25258-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quảng Bình	Việt nam	Gói	5.000
90	Nifedipin T20 retard	Nifedipine	20mg	Uống	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 10 vi x 10 viên	2	893110462724 (VD-24568-16)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	500
91	Stadnex 20 CAP	Esomeprazole (Dưới dạng Esomeprazole (magnesium dihydrate) pellets 22%)	20mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột	Hộp 2 vi x 10 viên Hộp 10 vi x 7 viên	3	893110193624 (VD-22345-15)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	35.000
92	Humec	Diocahedral smectit (Diosmectit)	3g	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói x 3,76g	4	893100875124 (VD-22280-15)	Công ty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Gói	3.000
93	Misoprostol Stella 200mcg	Misoprostol (Dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion	200mcg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	2	893110037124	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	30.000

94	Heraprostol	Misoprostol (dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion)	200mcg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4	893110465724 (VD-29544-18)	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	40.000
95	Atisalbu	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat)	2mg/5ml, 10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x10ml	4	893115277823 (VD-25647-16)	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	100
96	A.T Ascorbic syrup	Acid ascorbic	100mg/5ml, 10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 10ml	4	893100275023 (VD- 25624-16)	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	20.000
97	Vitamin C Stella 1g	Vitamin C	1g	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp x 10 viên	2	893110463224 (VD-25486-16)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	5.000
98	Bactirid 100mg/5ml dry suspension	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	100mg/5ml, 40ml	Uống	Bột pha hỗn dịch	Hộp 1 lọ 40ml	3	VN-20148-16	Medicraft Pharmaceuticals (Pvt) Ltd	Pakistan	Lọ	2.000
99	Phenhalal	Levocetirizin HCL	2,5mg/10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	4	893100219424 (VD-27484-17)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	5.000
100	Phytok	Phytomenadion	20 mg/1ml	Uống	Nhũ tương uống dạng nhỏ giọt	Hộp 1 ống x 2 ml	4	893110591924	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	100
101	Stiprol	Glycerol	2,25g/3g. 9g	Thụt trực tràng	Gel thụt trực tràng	Hộp 6 tuýp x 9g	4	893100092424	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp	5.000
102	Domuvar	Bacillus subtilis	2 x 10 ⁹ CFU/5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 40 ống x 5ml	4	893400090523	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	150.000

103	Atosiban-BFS	Atosiban (dưới dạng Atosiban acetat)	7,5mg/ml	Tiêm tĩnh mạch/ Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x lọ 5ml	4	VD-34930-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	100
104	Zenonid	Budesonid	0,5mg/ 2ml	Hít qua máy khí dung	Hỗn dịch dùng cho khí dung	Hộp 10 lọ x 2ml	4	893110281923	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	10.000
105	Zensalbu nebulas 2.5	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	2,5mg/2,5ml	Hít qua máy khí dung	Dung dịch dùng cho khí dung	Hộp 2 túi x 1 vi x 05 ống x 2,5ml	4	893115019000 (VD-21553-14)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	20.000
106	Itraconazole 100 mg hard capsules	Itraconazol	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vi x 6 viên	1	840110003825	Laboratorios Liconsas, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	15.000
107	Pokemine	Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt (III) Hydroxid Polymaltose)	50mg/10ml; 10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	4	893100508324 (VD-31131-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Ống	40.000
108	Elumast 4 mg	Montelukast (dưới dạng montelukast natri)	4mg	Uống	Thuốc cầm	Hộp 28 gói	1	840110187523	Laboratorios Cinfa, S.A.	Tây Ban Nha	Gói	14.000
109	Ambixol 15mg/5ml syrup	Ambroxol hydrochlorid	15mg/5ml, 100ml	Uống	Si rô	Hộp 1 chai 100ml	1	380100132924	Sopharma AD	Bulgaria	Chai	5.000
110	IMERIXX 200	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 10 viên	1	VD-35939-22	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Viên	6.000
111	A.T Desloratadin	Desloratadin	0,5 mg/ml (0,05% kl/tt), 5ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 gói x 5 ml	4	VD-24131-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Gói	6.000

112	Broncho-vaxom Children	Chất ly giải vi khuẩn đông khô tiêu chuẩn 20mg tương đương chất ly giải vi khuẩn đông khô của Haemophilus influenzae, Streptococcus (Diplococcus) pneumoniae, Klebsiella pneumoniae ssp. pneumonia và ssp. ozaenae, Staphylococcus aureus, Streptococcus pyogenes và sanguinis (viridans), Moraxella (Branhamella/Neisseria) catarrhalis	3,5mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	1	760410178200 (QLSP-1116-18)	OM Pharma SA	Thụy Sĩ	Viên	3.000
113	Depakine 200mg	Natri valproat	200mg	Uống	Viên nén kháng acid dạ dày	Hộp 1 lọ 40 viên	1	840114019124	Sanofi Aventis S.A	Tây Ban Nha	Viên	6.000
114	Depakine 200mg/ml	Natri valproate	200mg/ml	Uống	Dung dịch thuốc uống	Hộp 1 chai 40ml và 1 xylanh có vạch chia liều để lấy thuốc	2	868114087823	Cơ sở sản xuất và đóng gói: Sanofi Ilac Sanayi Ve Ticaret Anonim Sirketi; Cơ sở kiểm nghiệm và xuất xưởng: Sanofi Winthrop Industrie	Nước sản xuất và đóng gói: Thổ Nhĩ Kỳ; Nước kiểm nghiệm và xuất xưởng: Pháp	Chai	600
115	Forlax	Macrogol 4000	10gam	Uống	Bột pha dung dịch uống	Hộp 20 gói	1	VN-16801-13	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Gói	10.000

[illegible]

Phụ lục 1.3

DANH MỤC THUỐC GENERIC SỬ DỤNG CHO KHOA HỖ TRỢ SINH SẢN TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2026 (ĐỢT 1)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần được liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Tên CĐT (tham khảo QĐ trúng thầu)	Ngày ban hành quyết định lựa chọn nhà thầu	Số lượng
1	Cetrotide	Cetrorelix (dưới dạng Cetrorelix acetate)	0,25 mg	VN-21905-19	Tiêm dưới da	Bột pha dung dịch tiêm	Merck Healthcare KGaA; Cơ sở sản xuất lọ bột: Fareva Pau, Fareva Pau 2; Cơ sở sản xuất ống dung môi và đóng gói thứ cấp: Abbott Biologicals B.V.	Đức (Cơ sở sản xuất lọ bột: Pháp; Cơ sở sản xuất ống dung môi và đóng gói thứ cấp: Hà Lan)	Hộp gồm 7 khay, mỗi khay chứa: 1 lọ bột để pha dung dịch tiêm, 1 ống tiêm chứa 1 ml dung môi; 1 kim tiêm (cỡ 20), 1 kim tiêm dưới da (cỡ 27), 2 miếng gạc tắm cồn	Lọ	1	Bệnh viện Bạch Mai	10/09/2025	1.100
2	Ovitrelle	Choriogonadotropin alfa	250mcg/ 0,5ml	QLSP-0784-14	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm pha sẵn trong bút	Merck Serono S.p.A	Ý	Hộp gồm 1 bút chứa 0,5ml dung dịch tiêm pha sẵn và 2 kim để dùng với bút tiêm	Bút tiêm	1	Bệnh viện Bạch Mai	10/09/2025	600
3	Oestrogel 0.06%	Estradiol	0.06%	540110401223	Dùng ngoài da	Gel bôi da	Besins Manufacturing Belgium	Bỉ	Hộp 1 bình bơm định liều chứa 80g gel (một nhát bơm cho 1,25g gel tương đương với 0.75mg	Bình	1	Bệnh viện Nội tiết Trung ương	24/07/2025	150

									17β-estradiol)					
4	Gonal-f	Follitropin alfa	300IU/0,5 ml (22µg/0,5ml)	QLSP-891-15	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm pha sẵn trong bút	Merck Serono S.p.A	Ý	Hộp gồm 1 bút chứa dung dịch tiêm pha sẵn và 8 kim để dùng với bút tiêm	Bút tiêm	1	Bệnh viện Bạch Mai	10/09/2025	2.000
5	Gonal-f	Follitropin alfa	450IU/0,75ml (33µg/0,75ml)	800410037723	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Merck Serono S.p.A	Ý	Hộp 1 ống (cartridge) chứa 1 bút đóng sẵn dung dịch tiêm và 12 kim tiêm	Bút tiêm	1	Bệnh viện Bạch Mai	10/09/2025	100
6	Follitrope Prefilled Syringe 75IU	Follitropin alfa người tái tổ hợp	75UI	QLSP-1068-17	Tiêm	Dung dịch tiêm	LG Chem, Ltd	Hàn Quốc	Hộp chứa 01 bơm tiêm chứa 0,15ml	Bơm tiêm	2	Bệnh viện Bạch Mai	10/09/2025	600
7	Follitrope Prefilled Syringe 225IU	Follitropin alfa người tái tổ hợp	225IU	QLSP-1066-17	Tiêm	Dung dịch tiêm	LG Chem, Ltd	Hàn Quốc	Hộp chứa 01 bơm tiêm 0,45ml	Bơm tiêm	5	Bệnh viện Bưu Điện	25/07/2025	30
8	Follitrope Prefilled Syringe 300IU	Follitropin alfa người tái tổ hợp	300UI	QLSP-1067-17	Tiêm	Dung dịch tiêm	LG Chem, Ltd	Hàn Quốc	Hộp chứa 01 bơm tiêm chứa 0,6ml	Bơm tiêm	2	Bệnh viện Bạch Mai	10/09/2025	100
9	Pergoveris	Follitropin alpha (r-hFSH) 150IU (tương đương 11micrograms); Lutropin alpha (r-hLH) 75IU (tương đương 3 micrograms)	150IU (tương đương 11 micrograms); 75IU (tương đương 3 micrograms)	QLSP-0709-13	Tiêm dưới da	Bột và dung môi pha tiêm	Merck Serono S.A.	Thụy Sĩ	Hộp chứa 1 lọ bột và 1 lọ dung môi	Lọ	1	Bệnh viện Bạch Mai	10/09/2025	100

10	Pergoveris	Follitropin alfa (rhFSH); Lutropin alfa (r-hLH)	(300IU + 150IU)/0,48 ml	800410250423 (SP3-1215-20)	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Merck Serono S.p.A	Ý	Hộp gồm 01 bút chứa 0,48ml dung dịch tiêm pha sẵn và 05 kim tiêm	Bút tiêm	1	Bệnh viện Bưu Điện	25/07/2025	100
11	Pergoveris	Follitropin alfa (rhFSH); Lutropin alfa (r-hLH)	(450IU + 225IU)/0,72 ml	800410250423 (SP3-1215-20)	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Merck Serono S.p.A	Ý	Hộp gồm 01 bút chứa 0,72ml dung dịch tiêm pha sẵn và 07 kim tiêm	Bút tiêm	1	Bệnh viện Bưu Điện	25/07/2025	50
12	Rekovellev	Follitropin delta	12mcg/0,36ml	400410306624	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Cơ sở sản xuất dung dịch tiêm và đóng gói sơ cấp: Vetter Pharmafertigung GmbH & Co. KG; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Ferring Controlled Therapeutics Limited; Cơ sở xuất xưởng: Ferring GmbH	Cơ sở sản xuất dung dịch tiêm và đóng gói sơ cấp: Đức; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Anh; Cơ sở xuất xưởng: Đức	Hộp 01 bút tiêm đóng sẵn dung dịch tiêm và 03 kim tiêm	Hộp	1	Bệnh viện Bạch Mai	10/09/2025	100
13	Rekovellev	Follitropin delta	36mcg/1,08ml	400410306724	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Cơ sở sản xuất dung dịch tiêm và đóng gói sơ cấp: Vetter Pharmafertigung GmbH & Co. KG; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Ferring Controlled Therapeutics Limited; Cơ sở xuất xưởng: Ferring GmbH	Cơ sở sản xuất dung dịch tiêm và đóng gói sơ cấp: Đức; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Anh; Cơ sở xuất xưởng: Đức	Hộp gồm 01 bút tiêm đóng sẵn dung dịch tiêm và 06 kim tiêm	Hộp	1	Bệnh viện Bạch Mai	10/09/2025	1.000

[illegible]

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Công văn số 285/BVSN-KD ngày 03/02/2026 của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh)

Tên đơn vị báo giá.....

Số điện thoại liên hệ:.....

BÁO GIÁ THUỐC CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN

Kính gửi: Bệnh viện Sản- Nhi tỉnh Quảng Ninh

Công ty xin gửi tới quý Bệnh viện thông tin của các mặt hàng công ty có thể cung cấp như sau:

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký/Giấy phép nhập khẩu	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Nhóm thuốc (*)	Mã TBMT	Tên CĐT	Hình thức LCNT	Ngày đăng tải KQLCNT	Số quyết định	Ngày ban hành quyết định
1																			

Báo giá có hiệu lực.... ngày kể từ ngày.../.../.... Đến ngày .../.../....

Ghi chú:

- Đối với nội dung có ghi dấu (*) đề nghị công ty cung cấp thông tin của mặt hàng báo giá theo quy định Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế.
- Đơn giá là giá bán đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển và các chi phí cần thiết để cung ứng thuốc đến khoa Dược của Bệnh viện Sản nhi tỉnh Quảng Ninh.

Chúng tôi cam kết:

- Không đang quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản..
- Giá trị của thuốc nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC III

(Kèm theo Công văn số 285/BVSN-KD ngày 03/02/2026 của Bệnh viện
Sân- Nhi tỉnh Quảng Ninh)

Danh mục tài liệu hồ sơ gửi kèm theo văn bản báo giá

STT	Tài liệu	Yêu cầu cụ thể	Số lượng (bản)	Ghi chú
1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được với phạm vi bán buôn thuốc.	01	Bản photo, đóng dấu công ty
		Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc (GDP).	01	Bản photo, đóng dấu công ty
2	Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	Quyết định hoặc thông báo trúng thầu hoặc hợp đồng cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế trong thời gian 03 năm tính đến thời điểm báo giá.	01	Bản photo, đóng dấu công ty
3	Tài liệu kỹ thuật của mặt hàng báo giá	Giấy phép lưu hành hoặc Quyết định cấp số đăng ký hoặc Giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực hoặc văn bản gia hạn hiệu lực. Đối với trường hợp hết hạn hiệu lực trước thời điểm báo giá, công ty có văn bản cam kết.	01	Bản photo, đóng dấu công ty
		Văn bản đính chính thông tin sản phẩm của Cục Quản lý Dược (nếu có).	01	Bản photo, đóng dấu công ty
4	Tài liệu khác	Quyết định hoặc thông báo trúng thầu trong 12 tháng gần nhất của mặt hàng báo giá.	01	Bản photo, đóng dấu công ty